

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực An toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Sóc Trăng**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tỉnh Sóc Trăng tại Tờ trình số 51/TTr-SCT ngày 22/8/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực An toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Sóc Trăng.

Trường hợp thủ tục hành chính nêu tại Quyết định này được cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ sau ngày Quyết định này có hiệu lực và các thủ tục hành chính mới được ban hành thì áp dụng đúng quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và phải cập nhật để công bố.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thay thế thủ tục "Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện" và

thủ tục "Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện" ban hành kèm theo Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 03/6/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Sóc Trăng.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Sở Thông tin và Truyền thông, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Công TTĐT tỉnh;
- Trung tâm PVHCC;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lâm Hoàng Nghiệp**



**THU TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC AN TOÀN  
THỰC PHẨM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA  
SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH SÓC TRĂNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2238 /QĐ-UBND ngày 29 / 8 / 2022  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

**PHẦN I.**

**DANH MỤC THU TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC  
AN TOÀN THỰC PHẨM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA  
SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH SÓC TRĂNG**

| <b>Số<br/>thứ tự</b>        | <b>Tên thủ tục hành chính</b>   | <b>Số trang</b> |
|-----------------------------|---|-----------------|
| 1                           | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện     | 4               |
| 2                           | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện | 17              |
| <b>Tổng số: 02 thủ tục.</b> |   |                 |



**PHẦN II.**  
**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC**  
**AN TOÀN THỰC PHẨM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA**  
**SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH SÓC TRĂNG**

**01. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện**

**- Trình tự thực hiện:**

+ Các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Công Thương đăng ký hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (sau đây gọi là Cơ quan cấp Giấy chứng nhận) tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sóc Trăng (*địa chỉ: số 19 đường Trần Hưng Đạo, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng*) hoặc nộp trực tuyến theo địa chỉ truy cập: <http://dichvucong.soctrang.gov.vn> hoặc <http://motcua.socongthuong.soctrang.gov.vn>.

+ Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho Cơ quan cấp Giấy chứng nhận.

+ Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương tổ chức kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Sở Công Thương phải có văn bản thông báo và yêu cầu cơ sở bổ sung hồ sơ. Sau 30 ngày kể từ ngày thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ mà cơ sở không bổ sung hoặc bổ sung không đầy đủ thì hồ sơ không còn giá trị.

+ Thành lập Đoàn thẩm định thực tế tại cơ sở:

. Trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả kiểm tra hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Công Thương tổ chức thẩm định thực tế tại cơ sở.

. Đoàn thẩm định thực tế tại cơ sở do Sở Công Thương ban hành quyết định thành lập. Đoàn thẩm định có từ 03 đến 05 thành viên, trong đó phải có ít nhất 02 thành viên làm công tác chuyên môn về thực phẩm hoặc an toàn thực phẩm (có bằng cấp về thực phẩm hoặc an toàn thực phẩm) hoặc quản lý về an toàn thực phẩm. Đoàn thẩm định thực tế tại cơ sở được mời chuyên gia độc lập có chuyên môn phù hợp tham gia. Trưởng đoàn thẩm định chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở.

+ Nội dung thẩm định thực tế tại cơ sở: Kiểm tra tính thống nhất của hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận gửi cơ quan có thẩm quyền với hồ sơ gốc lưu tại cơ sở; thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm tại cơ sở theo quy định.

+ Kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở:

. Kết quả thẩm định phải ghi rõ “Đạt” hoặc “Không đạt” hoặc “Chờ hoàn thiện” vào Biên bản thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất



thực phẩm, cơ sở kinh doanh thực phẩm hoặc cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh thực phẩm.

. Trường hợp “Không đạt” hoặc “Chờ hoàn thiện” phải ghi rõ lý do trong Biên bản thẩm định. Trường hợp “Chờ hoàn thiện”, thời hạn khắc phục tối đa là 60 ngày kể từ ngày có biên bản thẩm định. Sau khi đã khắc phục theo yêu cầu của Đoàn thẩm định, cơ sở phải nộp báo cáo kết quả khắc phục và nộp phí thẩm định về Sở Công Thương để tổ chức thẩm định lại. Thời hạn thẩm định lại tối đa là 10 ngày làm việc tính từ khi cơ quan có thẩm quyền nhận được báo cáo khắc phục. Sau 60 ngày cơ sở không nộp báo cáo kết quả khắc phục thì hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và kết quả thẩm định trước đó với kết luận “Chờ hoàn thiện” không còn giá trị.

. Trường hợp kết quả thẩm định lại “Không đạt” hoặc quá thời hạn khắc phục mà cơ sở không nộp báo cáo kết quả khắc phục, Sở Công Thương thông báo bằng văn bản tới cơ quan quản lý địa phương để giám sát và yêu cầu cơ sở không được hoạt động cho đến khi được cấp Giấy chứng nhận.

. Biên bản thẩm định thực tế tại cơ sở được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, Đoàn thẩm định giữ 01 bản và cơ sở giữ 01 bản.

+ Cấp Giấy chứng nhận: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt”, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở.

#### **- Cách thức thực hiện :**

+ Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sóc Trăng.

+ Nộp hồ sơ trực tuyến theo mức độ đã được công bố qua Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Sóc Trăng, theo địa chỉ: <http://dichvucong.soctrang.gov.vn> hoặc qua hệ thống Một cửa điện tử của Sở Công Thương, theo địa chỉ: <http://motcua.socongthuong.soctrang.gov.vn>.

#### **- Thành phần, số lượng hồ sơ**

\* Hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm gồm:

+ Đơn đề nghị.

+ Bảo sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật.

+ Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm.

+ Danh sách tổng hợp đủ sức khỏe do chủ cơ sở xác nhận hoặc giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp.

+ Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm có xác nhận của cơ sở.

**- Thời hạn giải quyết:** Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi có kết quả



thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt”.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

- **Phí thẩm định (sửa đổi, bổ sung)**

+ Đối với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ: 500.000 đồng/lần/cơ sở.

+ Đối với cơ sở sản xuất thực phẩm khác (bao gồm cả cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh): 2.500.000 đồng/lần/cơ sở.

+ Đối với cơ sở kinh doanh: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn đề nghị theo Mẫu số 01a Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.

+ Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a (đối với cơ sở sản xuất), Mẫu số 02b (đối với cơ sở kinh doanh) hoặc cả Mẫu số 02a và Mẫu số 02b (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.

+ Báo cáo kết quả khắc phục theo Mẫu số 04 Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Điều kiện chung

1. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm:

Có đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm phù hợp với từng loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định tại Mục 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Chương VI của Nghị định số 77/2016/NĐ-CP.

2. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm:

a) Có đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm phù hợp với từng loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định của Luật An toàn thực phẩm.

b) Đối tượng được quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h và i khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm:

Thực hiện việc gửi bản cam kết đến cơ quan có thẩm quyền do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn.

c) Đối tượng được quy định tại điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm:

Thực hiện việc gửi bản sao Giấy chứng nhận (có xác nhận của cơ sở sản

xuất, kinh doanh thực phẩm) theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP đến cơ quan có thẩm quyền do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn.”

b) Điều kiện riêng

- Cơ sở sản xuất các sản phẩm thực phẩm có công suất thiết kế:
  - + Rượu: nhỏ hơn 03 triệu lít sản phẩm/năm.
  - + Bia: nhỏ hơn 50 triệu lít sản phẩm/năm.
  - + Nước giải khát: nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm.
  - + Sữa chế biến: nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm.
  - + Dầu thực vật: nhỏ hơn 50 ngàn tấn sản phẩm/năm.
  - + Bánh kẹo: nhỏ hơn 20 ngàn tấn sản phẩm/năm.
- Bột và tinh bột: nhỏ hơn 100 ngàn tấn sản phẩm/năm.
- Cơ sở bán buôn, bán lẻ thực phẩm (bao gồm cả thực phẩm tổng hợp) của thương nhân trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; chuỗi siêu thị mini và chuỗi cửa hàng tiện lợi có diện tích tương đương siêu thị mini theo quy định của pháp luật.

- Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh tại cùng một địa điểm có công suất thiết kế theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Thông tư 43/2018/TT-BCT.

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm thuộc quy định tại khoản 8 và khoản 10 Điều 36 Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ có quy mô sản xuất sản phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Thông tư 43/2018/TT-BCT.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- + Luật An toàn thực phẩm;
- + Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.
- + Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
- + Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương.
- + Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm.



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
*Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm**

**Kính gửi:** (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp) .....

Cơ sở sản xuất, kinh doanh (tên giao dịch hợp pháp): .....

Địa điểm tại: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Ngành nghề sản xuất, kinh doanh (tên sản phẩm): .....

Nay nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho:

- Cơ sở sản xuất
- Cơ sở kinh doanh<sup>1,2</sup>
- Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh
- Chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm

(tên cơ sở).....

Chúng tôi cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm cho cơ sở trên và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những vi phạm theo quy định của pháp luật.

Trân trọng cảm ơn./.

**Hồ sơ gửi kèm gồm:**

-  
-  
-  
-

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

(Ký tên, đóng dấu)

(1) : kèm theo Danh sách nhóm sản phẩm

(2) : Đối với Chuỗi kinh doanh thực phẩm kèm theo danh sách cơ sở kinh doanh thuộc chuỗi



**DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ KINH DOANH THUỘC CHUỖI**  
(Kèm theo mẫu đơn đề nghị đối với chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm)

| <b>STT</b> | <b>Tên cơ sở thuộc chuỗi</b> | <b>Địa chỉ</b> | <b>Thời hạn GCN</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|------------------------------|----------------|---------------------|----------------|
| 1          |                              |                |                     |                |
| 2          |                              |                |                     |                |
| 3          |                              |                |                     |                |

**DANH SÁCH NHÓM SẢN PHẨM**

(Kèm theo mẫu đơn đối với chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm  
và cơ sở kinh doanh thực phẩm tổng hợp)

| STT       | Tên nhóm sản phẩm   | Nhóm sản phẩm kinh doanh đề nghị cấp Giấy chứng nhận |
|-----------|---|--|
| <b>I</b>  | <b>Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế</b>   |  |
| 1         | Nước uống đóng chai   |  |
| 2         | Nước khoáng thiên nhiên   |  |
| 3         | Thực phẩm chức năng   |  |
| 4         | Các vi chất bổ sung vào thực phẩm và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng                                    |  |
| 5         | Phụ gia thực phẩm   |  |
| 6         | Hương liệu thực phẩm  |  |
| 7         | Chất hỗ trợ chế biến thực phẩm  |  |
| 8         | Đá thực phẩm (Nước đá dùng liền và nước đá dùng để chế biến thực phẩm)  |  |
| 9         | Các sản phẩm khác không được quy định tại danh mục của Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |  |
| <b>II</b> | <b>Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>                                |  |
| 1         | Ngũ cốc   |  |
| 2         | Thịt và các sản phẩm từ thịt  |  |
| 3         | Thủy sản và sản phẩm thủy sản (bao gồm các loài lưỡng cư)   |  |
| 4         | Rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả   |  |
| 5         | Trứng và các sản phẩm từ trứng  |  |
| 6         | Sữa tươi nguyên liệu  |  |
| 7         | Mật ong và các sản phẩm từ mật ong  |  |
| 8         | Thực phẩm biến đổi gen  |  |
| 9         | Muối  |  |



|            |  |  |
|------------|--|--|
| 10         | Gia vị   |  |
| 11         | Đường  |  |
| 12         | Chè  |  |
| 13         | Cà phê   |  |
| 14         | Ca cao   |  |
| 15         | Hạt tiêu   |  |
| 16         | Điều   |  |
| 17         | Nông sản thực phẩm khác  |  |
| 18         | Nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. |  |
| <b>III</b> | <b>Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương</b>   |  |
| 1          | Bia  |  |
| 2          | Rượu, Cồn và đồ uống có cồn  |  |
| 3          | Nước giải khát   |  |
| 4          | Sữa chế biến   |  |
| 5          | Dầu thực vật   |  |
| 6          | Bột, tinh bột  |  |
| 7          | Bánh, mứt, kẹo   |  |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**BẢN THUYẾT MINH**

**Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất)**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

- Đại diện cơ sở: .....
- Địa chỉ văn phòng: .....
- Địa chỉ cơ sở sản xuất: .....
- Địa chỉ kho (nếu địa chỉ khác): .....
- Điện thoại: ..... Fax .....
- Mặt hàng sản xuất: .....
- Công suất thiết kế: .....
- Tổng số công nhân viên: .....
- Tổng số công nhân viên trực tiếp sản xuất: .....
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/ tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm: .....
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định: .....

**II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ**

1. Cơ sở vật chất

- Diện tích mặt bằng sản xuất .....m<sup>2</sup>
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất: .....
- Kết cấu nhà xưởng: .....
- Nguồn nước phục vụ sản xuất đạt TCCL: .....
- Hệ thống vệ sinh nhà xưởng: .....

2. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất

| TT       | Tên trang, thiết bị                    | Số lượng | Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ |            |     | Ghi chú |
|----------|--|----------|--|------------|-----|---------|
|          |  |          | Tốt  | Trung bình | Kém |         |
| <b>I</b> | <b>Trang thiết bị, dụng cụ hiện có</b> |          |  |            |     |         |
| 1        | Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất       |          |  |            |     |         |
| 2        | Dụng cụ bao gói sản phẩm               |          |  |            |     |         |



|   |  |  |  |  |  |  |
|---|--|--|--|--|--|--|
| 3   | Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm                                   |  |  |  |  |  |
| 4   | Thiết bị bảo quản thực phẩm  |  |  |  |  |  |
| 5   | Thiết bị khử trùng, thanh trùng                                      |  |  |  |  |  |
| 6   | Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ                                      |  |  |  |  |  |
| 7   | Thiết bị giám sát  |  |  |  |  |  |
| 8   | Phương tiện rửa và khử trùng tay                                     |  |  |  |  |  |
| 9   | Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu                                      |  |  |  |  |  |
| 10  | Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại        |  |  |  |  |  |
| 11  | Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm |  |  |  |  |  |
| <b>II Trang thiết bị, dụng cụ dự kiến bổ sung</b> |  |  |  |  |  |  |
| 1   |  |  |  |  |  |  |
| 2   |  |  |  |  |  |  |
| 3   |  |  |  |  |  |  |

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

#### **Cam kết của cơ sở:**

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.

2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

*Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...*

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**  
(Ký tên, đóng dấu)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN THUYẾT MINH**

**Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh  
an toàn thực phẩm (đối với cơ sở kinh doanh)**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

- Đại diện cơ sở: .....
- Địa chỉ văn phòng: .....
- Địa chỉ cơ sở kinh doanh: .....
- Điện thoại: ..... Fax .....
- Loại thực phẩm kinh doanh: .....
- Tổng số công nhân viên: .....
- Tổng số công nhân viên trực tiếp kinh doanh: .....
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm:.....
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định: .....
- Tiêu chuẩn cơ sở về bảo đảm an toàn thực phẩm (đối với chuỗi kinh doanh thực phẩm):.....

**II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ**

**1. Cơ sở vật chất**

- Diện tích mặt bằng kinh doanh .....m<sup>2</sup>
- Sơ đồ bố trí mặt bằng kinh doanh: .....
- Nguồn nước phục vụ kinh doanh đạt TCCL: .....
- Hệ thống vệ sinh và vệ sinh cá nhân: .....

**2. Trang thiết bị, dụng cụ kinh doanh**

| TT       | Tên trang, thiết bị                                | Số lượng | Thực trạng hoạt động của trang thiết bị |            |     | Ghi chú |
|----------|--|----------|---|------------|-----|---------|
|          |  |          | Tốt                                     | Trung bình | Kém |         |
| <b>I</b> | <b>Trang, thiết bị, dụng cụ kinh doanh hiện có</b> |          |   |            |     |         |
| 1        | Trang thiết bị, dụng cụ bảo quản sản phẩm          |          |   |            |     |         |
| 2        | Thiết bị, dụng cụ trưng bày sản phẩm               |          |   |            |     |         |
| 3        | Trang thiết bị, dụng cụ vận                        |          |   |            |     |         |



|   |  |  |  |  |  |  |
|---|--|--|--|--|--|--|
|   | chuyên sản phẩm  |  |  |  |  |  |
| 4   | Dụng cụ rửa và sát trùng tay                                 |  |  |  |  |  |
| 5   | Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ                              |  |  |  |  |  |
| 6   | Trang bị bảo hộ  |  |  |  |  |  |
| 7   | Dụng cụ, phương tiện phòng chống côn trùng, động vật gây hại |  |  |  |  |  |
| 8   | Dụng cụ, thiết bị giám sát                                   |  |  |  |  |  |
| <b>II Trang, thiết bị dự kiến bổ sung</b> |  |  |  |  |  |  |
| 1   |  |  |  |  |  |  |
| 2   |  |  |  |  |  |  |
| 3   |  |  |  |  |  |  |

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để kinh doanh thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

#### Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.
2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

*Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...*

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**  
(Ký tên, đóng dấu)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
*Địa danh, ngày ... tháng ... năm ...*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẮC PHỤC**

Kính gửi: (tên cơ quan có thẩm quyền cấp) .....

**I. Thông tin chung:**

1. Tên Cơ sở: .....
2. Địa chỉ Cơ sở: .....
3. Số điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

**II. Tóm tắt kết quả khắc phục:**

| TT | Lỗi theo kết luận kiểm tra<br>ngày...tháng.... năm ....<br>của..... | Nguyên nhân<br>sai lỗi | Biện pháp<br>khắc phục | Kết quả |
|----|---|------------------------|------------------------|---------|
| 1  |   |                        |                        |         |
| 2  |   |                        |                        |         |
| 3  |   |                        |                        |         |
|    |   |                        |                        |         |
|    |   |                        |                        |         |

Đề nghị cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra và làm thủ tục để cơ sở chúng tôi được Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm./.

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**  
*(Ký tên, đóng dấu)*



## **02. Thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện**

### **- Trình tự thực hiện:**

+ Các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Công Thương đăng ký hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (sau đây gọi là Cơ quan cấp Giấy chứng nhận) tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sóc Trăng (địa chỉ: số 19 đường Trần Hưng Đạo, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng) hoặc nộp trực tuyến theo địa chỉ: <http://dichvucong.soctrang.gov.vn> hoặc <http://motcua.socongthuong.soctrang.gov.vn>.

+ Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho Cơ quan cấp Giấy chứng nhận

#### **\* Đối với trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng**

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ, căn cứ hồ sơ lưu, Sở Công Thương xem xét và cấp lại. Trường hợp từ chối cấp lại, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**\* Đối với trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực**

Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP

**\* Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh.**

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại hợp lệ, căn cứ hồ sơ lưu, Sở Công Thương xem xét và cấp lại. Trường hợp từ chối cấp lại, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**\* Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh.**

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại hợp lệ, căn cứ hồ sơ lưu, Sở Công Thương xem xét và cấp lại. Trường hợp từ chối cấp lại, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

### **- Cách thức thực hiện :**

+ Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sóc Trăng.

+ Nộp hồ sơ trực tuyến theo mức độ đã được công bố qua Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Sóc Trăng, theo địa chỉ: <http://dichvucong.soctrang.gov.vn> hoặc qua hệ thống Một cửa điện tử của Sở Công Thương, theo địa chỉ: <http://motcua.socongthuong.soctrang.gov.vn>.



**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất hoặc bị hỏng: Đơn đề nghị cấp lại.

b) Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh hoặc khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực

+ Đơn đề nghị cấp lại.

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật.

+ Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm.

+ Danh sách tổng hợp đủ sức khỏe do chủ cơ sở xác nhận hoặc giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp.

+ Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm có xác nhận của cơ sở.

c) Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh

+ Đơn đề nghị cấp lại.

+ Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở).

+ Tài liệu chứng minh sự thay đổi tên cơ sở.

d) Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh

+ Đơn đề nghị cấp lại.

+ Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở).

+ Danh sách tổng hợp đủ sức khỏe do chủ cơ sở xác nhận hoặc giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở).

**- Thời hạn giải quyết:**

+ Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ.

+ Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh hoặc khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt”.



+ Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại hợp lệ.

+ Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

- **Phí thẩm định:** (sửa đổi, bổ sung)

+ Đối với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ: 500.000 đồng/lần/cơ sở.

+ Đối với cơ sở sản xuất thực phẩm khác (bao gồm cả cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh): 2.500.000 đồng/lần/cơ sở.

+ Đối với cơ sở kinh doanh: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn đề nghị theo Mẫu số 01b Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.

+ Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a (đối với cơ sở sản xuất), Mẫu số 02b (đối với cơ sở kinh doanh) hoặc cả Mẫu số 02a và Mẫu số 02b (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.

+ Báo cáo kết quả khắc phục theo Mẫu số 04 Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng.

+ Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh hoặc khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực.

+ Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh.

+ Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh.

a) Điều kiện chung

1. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm:

Có đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm phù hợp với từng loại hình sản



xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định tại Mục 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Chương VI của Nghị định 77/2016/NĐ-CP.

2. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm:

a) Có đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm phù hợp với từng loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định của Luật An toàn thực phẩm.

b) Đối tượng được quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h và i khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

Thực hiện việc gửi bản cam kết đến cơ quan có thẩm quyền do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn.

c) Đối tượng được quy định tại điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm:

Thực hiện việc gửi bản sao Giấy chứng nhận (có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm) theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP đến cơ quan có thẩm quyền do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn.”

b) Điều kiện riêng

- Cơ sở sản xuất các sản phẩm thực phẩm có công suất thiết kế:

+ Rượu: nhỏ hơn 03 triệu lít sản phẩm/năm.

+ Bia: nhỏ hơn 50 triệu lít sản phẩm/năm.

+ Nước giải khát: nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm.

+ Sữa chế biến: nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm.

+ Dầu thực vật: nhỏ hơn 50 ngàn tấn sản phẩm/năm.

+ Bánh kẹo: nhỏ hơn 20 ngàn tấn sản phẩm/năm.

+ Bột và tinh bột: nhỏ hơn 100 ngàn tấn sản phẩm/năm.

- Cơ sở bán buôn, bán lẻ thực phẩm (bao gồm cả thực phẩm tổng hợp) của thương nhân trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; chuỗi siêu thị mini và chuỗi cửa hàng tiện lợi có diện tích tương đương siêu thị mini theo quy định của pháp luật.

- Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh tại cùng một địa điểm có công suất thiết kế theo quy định tại điểm a mục này.

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm thuộc quy định tại khoản 8 và khoản 10 Điều 36 Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ có quy mô sản xuất sản phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương theo quy định tại điểm a mục này.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật An toàn thực phẩm;

+ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định



chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

+ Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

+ Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương.

+ Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
*Địa danh, ngày ...tháng ... năm 20 ...*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm**

Kính gửi: (tên cơ quan có thẩm quyền cấp) .....

Tên cơ sở ..... đề nghị quý cơ quan cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, cụ thể như sau:

Giấy chứng nhận cũ đã được cấp số ..... ngày cấp .....

Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận (ghi cụ thể trường hợp xin cấp lại theo quy định tại các khoản 2 Điều 12 của Nghị định này):

.....

Đề nghị Quý cơ quan xem xét chấp thuận./.

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**  
*(Ký tên, đóng dấu)*



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**BẢN THUYẾT MINH**

**Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh  
an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất)**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

- Đại diện cơ sở: .....
- Địa chỉ văn phòng: .....
- Địa chỉ cơ sở sản xuất: .....
- Địa chỉ kho (nếu địa chỉ khác): .....
- Điện thoại: ..... Fax .....
- Mặt hàng sản xuất: .....
- Công suất thiết kế: .....
- Tổng số công nhân viên: .....
- Tổng số công nhân viên trực tiếp sản xuất: .....
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/ tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm: .....
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định: .....

**II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ**

1. Cơ sở vật chất

- Diện tích mặt bằng sản xuất .....m<sup>2</sup>
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất: .....
- Kết cấu nhà xưởng: .....
- Nguồn nước phục vụ sản xuất đạt TCCL: .....
- Hệ thống vệ sinh nhà xưởng: .....

2. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất

| TT       | Tên trang, thiết bị                    | Số lượng | Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ |            |     | Ghi chú |
|----------|--|----------|--|------------|-----|---------|
|          |  |          | Tốt  | Trung bình | Kém |         |
| <b>I</b> | <b>Trang thiết bị, dụng cụ hiện có</b> |          |  |            |     |         |
| 1        | Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất       |          |  |            |     |         |
| 2        | Dụng cụ bao gói sản phẩm               |          |  |            |     |         |

|           |  |  |  |  |  |  |
|-----------|--|--|--|--|--|--|
| 3         | Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm                                   |  |  |  |  |  |
| 4         | Thiết bị bảo quản thực phẩm  |  |  |  |  |  |
| 5         | Thiết bị khử trùng, thanh trùng                                      |  |  |  |  |  |
| 6         | Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ                                      |  |  |  |  |  |
| 7         | Thiết bị giám sát  |  |  |  |  |  |
| 8         | Phương tiện rửa và khử trùng tay                                     |  |  |  |  |  |
| 9         | Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu                                      |  |  |  |  |  |
| 10        | Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại        |  |  |  |  |  |
| 11        | Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm |  |  |  |  |  |
| <b>II</b> | <b>Trang thiết bị, dụng cụ dự kiến bổ sung</b>                       |  |  |  |  |  |
| 1         |  |  |  |  |  |  |
| 2         |  |  |  |  |  |  |
| 3         |  |  |  |  |  |  |

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

#### **Cam kết của cơ sở:**

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.

2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

*Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...*

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

*(Ký tên, đóng dấu)*



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**BẢN THUYẾT MINH**

**Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh  
an toàn thực phẩm (đối với cơ sở kinh doanh)**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

- Đại diện cơ sở: .....
- Địa chỉ văn phòng: .....
- Địa chỉ cơ sở kinh doanh: .....
- Điện thoại: ..... Fax .....
- Loại thực phẩm kinh doanh: .....
- Tổng số công nhân viên: .....
- Tổng số công nhân viên trực tiếp kinh doanh: .....
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm:.....
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định: .....
- Tiêu chuẩn cơ sở về bảo đảm an toàn thực phẩm (đối với chuỗi kinh doanh thực phẩm):.....

**II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ**

1. Cơ sở vật chất

- Diện tích mặt bằng kinh doanh .....m<sup>2</sup>
- Sơ đồ bố trí mặt bằng kinh doanh: .....
- Nguồn nước phục vụ kinh doanh đạt TCCL: .....
- Hệ thống vệ sinh và vệ sinh cá nhân: .....

2. Trang thiết bị, dụng cụ kinh doanh

| TT       | Tên trang, thiết bị                                | Số lượng | Thực trạng hoạt động của trang thiết bị |            |     | Ghi chú |
|----------|--|----------|---|------------|-----|---------|
|          |  |          | Tốt                                     | Trung bình | Kém |         |
| <b>I</b> | <b>Trang, thiết bị, dụng cụ kinh doanh hiện có</b> |          |   |            |     |         |
| 1        | Trang thiết bị, dụng cụ bảo quản sản phẩm          |          |   |            |     |         |
| 2        | Thiết bị, dụng cụ trưng bày sản phẩm               |          |   |            |     |         |

|   |  |  |  |  |  |  |
|---|--|--|--|--|--|--|
| 3   | Trang thiết bị, dụng cụ vận chuyên sản phẩm                  |  |  |  |  |  |
| 4   | Dụng cụ rửa và sát trùng tay                                 |  |  |  |  |  |
| 5   | Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ                              |  |  |  |  |  |
| 6   | Trang bị bảo hộ  |  |  |  |  |  |
| 7   | Dụng cụ, phương tiện phòng chống côn trùng, động vật gây hại |  |  |  |  |  |
| 8   | Dụng cụ, thiết bị giám sát                                   |  |  |  |  |  |
| <b>II Trang, thiết bị dự kiến bổ sung</b> |  |  |  |  |  |  |
| 1   |  |  |  |  |  |  |
| 2   |  |  |  |  |  |  |
| 3   |  |  |  |  |  |  |

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để kinh doanh thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

#### Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.
2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

*Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...*

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**  
(Ký tên, đóng dấu)



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
*Địa danh, ngày ... tháng ... năm ...*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẮC PHỤC**

Kính gửi: (tên cơ quan có thẩm quyền cấp) .....

**I. Thông tin chung:**

1. Tên Cơ sở: .....
2. Địa chỉ Cơ sở: .....
3. Số điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

**II. Tóm tắt kết quả khắc phục:**

| TT | Lỗi theo kết luận kiểm tra<br>ngày...tháng.... năm ....<br>của..... | Nguyên nhân<br>sai lỗi | Biện pháp<br>khắc phục | Kết quả |
|----|---|------------------------|------------------------|---------|
| 1  |   |                        |                        |         |
| 2  |   |                        |                        |         |
| 3  |   |                        |                        |         |
|    |   |                        |                        |         |
|    |   |                        |                        |         |

Đề nghị cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra và làm thủ tục để cơ sở chúng tôi được Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm./.

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

*(Ký tên, đóng dấu)*